

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HSST

Ngày 26/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lê Đức Hỷ.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2018/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/HSST ngày 11/10/2018 đối với bị cáo:

Trần Đ T, sinh năm 1968 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần V T (Đã chết) và con bà Lê T M, sinh năm 1944; bị cáo có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1976; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2018 đến ngày 19/7/2018. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

Những người làm chứng:

+ Anh Lương T; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông Hiện vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh Hồ S; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Hiện vắng mặt tại phiên tòa;

+ Chị Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Hiện vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đ T là chủ quán cà phê “K T” tại Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Vào tối ngày 30/6/2018, Hồ S (*sinh năm 1996, trú tại Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*), Lương T (*sinh năm 1999*) trú tại Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;) đến quán cà phê “K T” để uống nước. Tại đây, S và T hỏi Thân về việc nhận cá độ trận đấu bóng đá giữa đội tuyển Pháp với đội tuyển Argentina trong vòng chung kết Word cup 2018 diễn ra vào lúc 21 giờ cùng ngày thì T đồng ý. Giữa T với S và T ra “kèo” cụ thể: Pháp chấp Argentina $\frac{1}{4}$ quả, “ăn” 95. Nếu trận đấu hòa, người nào “bắt” Pháp sẽ thua 1 nửa tiền cược. Người nào “bắt” Argentina sẽ “ăn” nửa tiền cược. Nếu Pháp thắng Argentina từ 01 quả trở lên, người “bắt” Pháp sẽ “ăn” đủ theo tỉ lệ 1 triệu đồng “ăn” chín trăm năm mươi nghìn đồng, cộng cả số tiền gốc cá cược. Sau khi thỏa thuận xong, S “bắt” Pháp với số tiền 1.500.000 đồng, T “bắt” Argentina với số tiền 700.000 đồng. Kết quả trận đấu Pháp thắng Argentina 4-3, Sơn “ăn” được số tiền 1.425.000 đồng, cộng với số tiền cá cược là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền S thắng là 2.925.000 đồng nhưng S chưa nhận được tiền. Còn T thua hết số tiền cá cược.

Khoảng 19 giờ ngày 01/7/2018, S cùng T tiếp tục đến quán cà phê gặp T để cá độ trận đấu bóng đá giữa đội tuyển Tây Ban Nha và đội tuyển Nga diễn ra lúc 21 giờ cùng ngày. Khi đi T mang theo số tiền 2.500.000 đồng, còn S đến nhà T để tính tiền thắng thua ở trận đấu ngày 30/6/2018. Sau khi thống nhất kèo: Bắt đội tuyển Tây Ban Nha chấp đội tuyển Nga 01 quả, “ăn” 9. Nếu Tây Ban Nha thắng Nga 01 quả thì hòa tiền. Nếu Tây Ban Nha thắng trên 01 quả, người nào “bắt” Tây Ban Nha sẽ ăn theo tỉ lệ 1 triệu đồng ăn chín trăm nghìn đồng, cộng với số tiền gốc cá cược. S và T đều “bắt” đội tuyển Tây Ban Nha. T đưa cho T 2.500.000 đồng. S thỏa thuận với T dùng 2.500.000 đồng trong số tiền thắng ở trận trước đó để tiếp tục cá cược, T đồng ý và dùng tờ giấy màu vàng (*phoi*) ghi lại số tiền, kèo và tỷ lệ cá cược để giao cho T và S thì bị cán bộ Công an huyện Tuy Đức bắt quả tang, lúc này trận đấu chưa diễn ra.

Tổng số tiền, Đ T sử dụng để cá độ bóng đá trong 02 trận là 8.625.000 đồng (*tám triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*), trong đó trận Pháp và Argentina tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.625.000 đồng; trận Tây Ban Nha và Nga tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã thu giữ gồm: trên người Trần Đ T số tiền 2.500.000 đồng; 01 tờ “*phoi*” màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 đồng chấp 1 ăn 9*”; 01 tờ *phoi* màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 chấp 1 trái ăn 9*”; 06 tờ giấy ghi chú màu vàng kích thước 5 x 5 cm, trên một mặt giấy có ghi các thông tin bằng số và chữ; 01 tờ giấy than kích thước 6 x 6cm (*đã qua sử dụng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra nộp số tiền 2.500.000 đồng vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã thu giữ và sau đó trả lại cho bị can là chủ sở hữu hợp pháp về tài sản (*không sử dụng vào mục đích phạm tội*) là 01 chiếc điện thoại màu hồng nhạt hiệu OPPO.

Truy thu của Trần Đ T số tiền 4.700.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

Tại bản cáo trạng số: 46/CTr-VKS ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đ T về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Diễn biến tại phiên tòa bị cáo Trần Đ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đ T; khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đ T phạm tội “*Đánh bạc*” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Đ T từ 03(Ba) tháng đến 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 và điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước vật chứng là số tiền 2.500.000 đồng đã được nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức; Truy thu số tiền 4.700.000 đồng từ bị cáo Thân do phạm tội mà có.

Đối với 01 tờ “*phoi*” màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 đồng chấp 1 ăn 9*”; 01 tờ phoi màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 chấp 1 trái ăn 9*”; 06 tờ giấy ghi chú màu vàng kích thước 5 x 5 cm, trên một mặt giấy có ghi các thông tin bằng số và chữ; 01 tờ giấy than kích thước 6 x 6cm cần thu để lưu cùng hồ sơ vụ án

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức về việc trả lại 01 chiếc điện thoại màu hồng nhật hiệu OPPO cho Trần Đ T là chủ sở hữu hợp pháp về tài sản (*không sử dụng vào mục đích phạm tội*)

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đ T không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông thay đổi đề nghị về áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo: bị cáo có điều kiện kinh tế, có khả năng chấp hành hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên đề HĐXX áp

dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Đ T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung Công quỹ Nhà nước;

Bị cáo không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án: bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Đ T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ về việc “Đánh bạc” được thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân nên vào đêm ngày 01/7/2018 tại quán cà phê “ K T” của Trần Đ T thuộc Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; T đã có hành vi đánh bạc dưới dạng hình thức cá độ bóng đá ăn tiền với Lương T và Hồ S; sau khi thống nhất bắt kèo cá độ cho S và T thì T và S mỗi người bắt cá độ với T số tiền là 2.500.000 đồng (trong trận đấu giữa đội tuyển Tây ba Nha và Nga). T đưa cho T số tiền là 2.500.000 đồng. S thỏa thuận với T dùng 2.500.000 đồng trong số tiền ở trận thắng trước đó để tiếp tục cá cược. T đồng ý và dùng tờ giấy màu vàng (Phoi) ghi lại số tiền, kèo và tỷ lệ cá cược để giao cho T và S thì bị Công an huyện Tuy Đức bắt quả tang, lúc này trận đấu chưa diễn ra. Số tiền mà T nhận số tiền cá độ bóng đá của T và S là 5.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Đ T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến an ninh, trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh của bị cáo để lượng hình cho phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo biết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Trần Đ T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên HĐXX sẽ xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Bị cáo Trần Đ T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, căn cứ vào biên bản xác minh về điều kiện kinh tế của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu trên nên HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền để xử phạt bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã được áp dụng hình phạt chính bằng hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với hành vi của Hồ S, Lương T và hành vi đánh bạc ngày 30/6/2018 của Trần Đ T cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành xác minh xác định các đối tượng này đều chưa có tiền án, tiền sự, số tiền tham gia cá độ chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[6] Đối với số tiền 2.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc đã được nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Truy thu số tiền 4.700.000 đồng từ bị cáo T do phạm tội mà có.

Đối với 01 tờ “phơi” màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 đồng chấp 1 ăn 9*”; 01 tờ phơi màu vàng, kích thước 5 x 5cm, có ghi dòng chữ “*Bắt Tây Ban Nha 2 triệu 500 chấp 1 trái ăn 9*”; 06 tờ giấy ghi chú màu vàng kích thước 5 x 5 cm, trên một mặt giấy có ghi các thông tin bằng số và chữ; 01 tờ giấy than kích thước 6 x 6cm cần thu để lưu cùng hồ sơ vụ án

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức về việc trả lại 01 chiếc điện thoại màu hồng nhạt hiệu OPPO cho Trần Đ T là chủ sở hữu hợp pháp về tài sản (*không sử dụng vào mục đích phạm tội*).

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đ T phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Đ T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung Công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo bị xử phạt tiền phải nộp đủ số tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã được nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 30/7/2018; Truy thu số tiền 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Đ T do phạm tội mà có;

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đ T phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng NV Công an tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Tuy Đức; tỉnh Đắk Nông
- Chi cục THADS H. Đ;
- CA huyện Tuy Đức;
- bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân